



Tập đoàn Dệt-May Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2010

Tập đoàn Dệt-May Việt Nam
Thông tin về Tập đoàn

Giấy Chứng nhận	0106000697	ngày 9 tháng 5 năm 2006
Đăng ký Kinh doanh số	0106000697	ngày 28 tháng 12 năm 2006
	0106000697	ngày 22 tháng 8 năm 2007
	0106000697	ngày 3 tháng 11 năm 2008
	0106000697	ngày 12 tháng 12 năm 2009
	010010008	ngày 27 tháng 10 năm 2010

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của Tập đoàn được sửa đổi nhiều lần, lần gần đây nhất là Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 010010008 ngày 27 tháng 10 năm 2010. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp.

Hội đồng thành viên	Ông Vũ Đức Giang	Chủ tịch (từ ngày 17/9/2010)
		Ủy viên (đến ngày 16/9/2010)
	Ông Lê Quốc Ân	Chủ tịch (đến ngày 16/9/2010)
	Ông Trần Quang Nghị	Ủy viên
	Ông Lê Tiến Trường	Ủy viên
	Ông Phạm Duy Hạnh	Ủy viên
	Ông Nguyễn Khánh Sơn	Ủy viên

Cơ Quan Tổng Giám đốc	Ông Trần Quang Nghị	Tổng Giám đốc (từ ngày 17/9/2010)
		Phó Tổng Giám đốc (đến ngày 16/9/2010)
		Tổng Giám đốc (đến ngày 17/9/2010)
	Ông Vũ Đức Giang	Phó Tổng Giám đốc
	Ông Lê Tiến Trường	Phó Tổng Giám đốc
	Bà Phạm Nguyễn Hạnh	Phó Tổng Giám đốc
	Ông Trần Văn Phở	Phó Tổng Giám đốc
	Ông Lê Trung Hải	Phó Tổng Giám đốc
	Bà Dương Thị Ngọc Dung	Giám đốc Điều hành
	Ông Bùi Nguyễn Tiến	Giám đốc Điều hành
	Ông Vũ Sỹ Nam	Giám đốc Điều hành
	Ông Ưông Tiến Thịnh	Giám đốc Điều hành
	Ông Hoàng Vệ Dũng	Giám đốc Điều hành
Ông Nguyễn Đức Khiêm	Giám đốc Điều hành	
Ông Nguyễn Khánh Sơn	Giám đốc Điều hành	

Trụ sở đăng ký	25 Phố Bà Triệu Quận Hoàn Kiếm Hà Nội, Việt Nam
-----------------------	---

Đơn vị kiểm toán	Công ty TNHH KPMG Việt Nam
-------------------------	-------------------------------



KPMG Limited
16th Floor, Pacific Place
83B Ly Thuong Kiet Street
Hoan Kiem Dist., Hanoi, Vietnam

Telephone +84 (4) 3946-1600
Fax +84 (4) 3946-1601
Internet www.kpmg.com.vn

BÁO CÁO CỦA KIỂM TOÁN VIÊN ĐỘC LẬP

**Kính gửi Hội đồng Thành viên
Công ty TNHH Một Thành Viên Tập đoàn Dệt-May Việt Nam**

Phạm vi kiểm toán

Chúng tôi đã kiểm toán bảng cân đối kế toán riêng đính kèm của Công ty TNHH Một Thành Viên Tập đoàn Dệt-May Việt Nam (“Tập đoàn Dệt-May Việt Nam”) tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 và báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng, báo cáo thay đổi vốn chủ sở hữu riêng và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng liên quan cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Cơ Quan Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt cho phát hành vào ngày 30 tháng 6 năm 2011. Việc lập và trình bày các báo cáo tài chính riêng này thuộc trách nhiệm của Cơ Quan Tổng Giám đốc Tập đoàn Dệt-May Việt Nam. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo tài chính này căn cứ trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.

Ngoại trừ vấn đề được đề cập tới dưới đây, chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để có được sự đảm bảo hợp lý rằng các báo cáo tài chính không chứa đựng các sai sót trọng yếu. Công việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, trên cơ sở chọn mẫu, các bằng chứng xác minh cho các số liệu và thuyết trình trong các báo cáo tài chính. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá các nguyên tắc kế toán được áp dụng và các ước tính trọng yếu của Cơ Quan Tổng Giám đốc, cũng như việc đánh giá cách trình bày tổng quát của các báo cáo tài chính. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

Cơ sở đưa ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Các giao dịch và số dư nội bộ giữa Công ty TNHH Một Thành Viên Tập đoàn Dệt may Việt Nam và một số công ty con và công ty liên kết của Tập đoàn Dệt May Việt Nam tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009 chưa được đối chiếu và xác nhận toàn bộ. Ý kiến kiểm toán của chúng tôi về báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009 trong báo cáo kiểm toán ngày 24 tháng 6 năm 2010 có nêu một số điểm ngoại trừ do ảnh hưởng của các điều chỉnh, nếu có, có thể là cần thiết nếu như chúng tôi có thể thu thập đầy đủ các bằng chứng thích hợp để xác định được tính đầy đủ, tính chính xác và tính hiện hữu của các giao dịch và số dư nội bộ. Báo cáo kiểm toán của chúng tôi về báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 cũng được ngoại trừ theo các ảnh hưởng của các vấn đề nêu trên đối với các số liệu so sánh cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009.

Tương tự, các số dư và giao dịch nội bộ tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 và cho năm kết thúc cùng ngày giữa Công ty TNHH Một Thành Viên Tập đoàn Dệt-May Việt Nam và một số công ty con và công ty liên kết của Tập đoàn Dệt-May Việt Nam chưa được đối chiếu và xác nhận đầy đủ. Điều này khiến cho Công ty TNHH Một Thành Viên Tập đoàn Dệt-May Việt Nam không thể xác định và thuyết minh đầy đủ các giao dịch và số dư với các bên liên quan như yêu cầu của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 26 – Thông tin về các bên liên quan. Do tính chất của sổ sách kế toán của Công ty TNHH Một Thành Viên Tập đoàn Dệt-May Việt Nam, chúng tôi không thể thực hiện thủ tục khác để xác định tính đầy đủ, chính xác và tính hiện hữu của các giao dịch và số dư với các bên liên quan.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

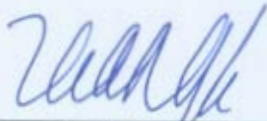
Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của các điều chỉnh, nếu có, có thể phát sinh nếu chúng tôi thực hiện được các thủ tục cho vấn đề nêu tại phần Cơ sở đưa ra ý kiến kiểm toán ngoại trừ, các báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty TNHH Một Thành Viên Tập đoàn Dệt-May Việt Nam tại ngày 31 tháng 12 năm 2010, kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ trong cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan.

Công ty TNHH KPMG

Việt Nam

Giấy Chứng nhận Đầu tư số: 011043000345

Báo cáo kiểm toán số: 10-02-216-a



Nguyễn Thanh Nghị

Chứng chỉ kiểm toán viên số 0304/KTV

Phó Tổng Giám đốc



Đàm Xuân Lâm

Chứng chỉ kiểm toán viên số N.0861/KTV

Hà Nội, 30 -06- 2011

Tập đoàn Dệt-May Việt Nam

Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2010

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2010 VNĐ	31/12/2009 VNĐ (điều chỉnh lại)
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn	100		1.220.422.351.117	1.247.427.292.091
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	397.078.617.484	257.227.185.652
Tiền	111		92.078.617.484	82.727.185.652
Các khoản tương đương tiền	112		305.000.000.000	174.500.000.000
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	5	25.000.000.000	-
Phải thu ngắn hạn	130	6	796.688.984.357	781.386.851.751
Phải thu khách hàng	131		79.166.997.777	80.703.652.029
Trả trước cho người bán	132		8.233.159.578	18.770.713.348
Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		2.519.123.064	-
Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	5.787.575.829
Các khoản phải thu khác	135		751.799.347.119	693.681.632.055
Dự phòng phải thu khó đòi	139		(45.029.643.181)	(17.556.721.510)
Hàng tồn kho	140	7	582.005.389	184.358.207.720
Hàng tồn kho	141		582.005.389	193.318.221.003
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	(8.960.013.283)
Tài sản ngắn hạn khác	150		1.072.743.887	24.455.046.968
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		160.000.000	2.516.728.141
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		126.921.435	3.625.666.850
Thuế phải thu Nhà nước	154		-	11.694.134.707
Tài sản ngắn hạn khác	158		785.822.452	6.618.517.270

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành các báo cáo tài chính riêng này

Tập đoàn Dệt-May Việt Nam

Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 (tiếp theo)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2010 VND	31/12/2009 VND (điều chỉnh lại)
Tài sản dài hạn	200		3.060.460.670.335	2.786.116.189.269
Phải thu dài hạn	210	6	85.741.721.037	-
Tài sản cố định	220		356.185.263.929	487.219.307.336
Tài sản cố định hữu hình	221	8	274.787.925.048	341.924.786.330
<i>Nguyên giá</i>	222		402.425.826.854	472.911.105.888
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(127.637.901.806)	(130.986.319.558)
Tài sản cố định vô hình	227	9	69.623.636.324	70.159.537.689
<i>Nguyên giá</i>	228		78.911.181.996	79.050.444.802
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(9.287.545.672)	(8.890.907.113)
Xây dựng cơ bản dở dang	230	10	11.773.702.557	75.134.983.317
Đầu tư tài chính dài hạn	250	11	2.607.883.678.462	2.250.176.411.538
Đầu tư vào công ty con	251		1.822.722.235.442	1.639.674.166.001
Đầu tư vào các công ty liên kết	252		212.965.265.000	209.075.587.857
Đầu tư dài hạn khác	258		646.716.516.139	420.306.495.139
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		(74.520.338.119)	(18.879.837.459)
Tài sản dài hạn khác	260		10.650.006.907	48.720.470.395
Chi phí trả trước dài hạn	261	13	10.650.006.907	35.868.052.248
Tài sản dài hạn khác	268		-	12.852.418.147
TỔNG TÀI SẢN	270		4.280.883.021.452	4.033.543.481.360

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành các báo cáo tài chính riêng này

Tập đoàn Dệt-May Việt Nam

Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 (tiếp theo)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2010 VNĐ	31/12/2009 VNĐ (điều chỉnh lại)
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ	300		503.752.666.417	539.948.500.014
Nợ ngắn hạn	310		406.144.222.580	398.705.417.892
Vay ngắn hạn	311	14	265.240.000.000	67.179.018.330
Phải trả người bán	312		10.131.655.501	212.855.295.749
Người mua trả tiền trước	313		1.365.053.575	1.242.603.394
Thuế phải nộp Nhà nước	314	15	4.621.476.787	12.562.569.802
Phải trả người lao động	315		13.810.102.040	14.955.853.942
Chi phí phải trả	316	16	8.300.285.839	5.011.038.210
Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	17	70.425.053.616	84.899.038.465
Quỹ khen thưởng và phúc lợi	320		32.250.595.222	-
Nợ dài hạn	330		97.608.443.837	141.243.082.122
Phải trả dài hạn khác	333		752.816.735	3.256.899.266
Vay dài hạn	334	18	96.043.062.613	137.906.228.613
Dự phòng trợ cấp thôi việc	336		7.310.984	79.954.243
Doanh thu chưa thực hiện	338		805.253.505	-
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		3.777.130.355.035	3.493.594.981.346
Vốn chủ sở hữu	410		3.587.680.416.215	3.489.693.357.910
Vốn góp	411	19	3.400.000.000.000	3.265.299.628.660
Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		255.160.422	-
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		76.453.119	44.298.041
Quỹ đầu tư phát triển	417	20	8.000.605.626	18.645.709.702
Quỹ dự phòng tài chính	418	20	52.430.368.048	12.958.579.177
Lợi nhuận chưa phân phối	420		-	192.745.142.330
Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	421	20	126.917.829.000	-
Nguồn kinh phí sự nghiệp và các quỹ khác	430		189.449.938.820	3.901.623.436
Quỹ khen thưởng và phúc lợi	431		-	3.901.623.436
Quỹ sắp xếp lại doanh nghiệp	432		189.449.938.820	-
TỔNG NGUỒN VỐN	440		4.280.883.021.452	4.033.543.481.360

Nguyễn Ngọc Cách
Người lập biểu

Phạm Văn Tân
Trưởng Ban Tài chính



Trần Quang Nghị
Tổng Giám đốc

30 -06- 2011

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành các báo cáo tài chính riêng này

Tập đoàn Dệt-May Việt Nam

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

	Mã số	Thuyết minh	2010 VND	2009 VND (điều chỉnh lại)
Tổng doanh thu	01	21	490.515.435.936	1.022.773.188.205
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	21	(1.366.947.977)	(2.195.725.290)
Doanh thu thuần	10	21	489.148.487.959	1.020.577.462.915
Giá vốn hàng bán	11	22	(379.353.783.287)	(808.382.818.623)
Lợi nhuận gộp	20		109.794.704.672	212.194.644.292
Doanh thu hoạt động tài chính	21	23	330.408.787.122	247.248.800.268
Chi phí tài chính	22	24	(10.921.168.210)	(21.077.370.110)
Chi phí bán hàng	24		(62.746.824.671)	(150.694.889.003)
Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		(194.220.474.602)	(94.600.358.804)
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		172.315.024.311	193.070.826.643
Kết quả từ các hoạt động khác	40			
Thu nhập khác	31		30.077.863.939	7.750.022.780
Chi phí khác	32		(917.688.432)	(577.252.648)
Lợi nhuận trước thuế	50		201.475.199.818	200.243.596.775
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	25	(122.576.813)	(6.679.355.349)
Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		201.352.623.005	193.564.241.426

Nguyễn Ngọc Cách
Người lập biểu

Phạm Văn Tân
Trưởng Ban Tài chính



Trần Quang Nghị
Tổng Giám đốc

30 -06- 2011

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành các báo cáo tài chính riêng này

Tập đoàn Dệt-Mây Việt Nam
Báo cáo thay đổi vốn chủ sở hữu riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

	Vốn góp VND	Vốn khác VND	Chênh lệch đánh giá lại tài sản VND	Chênh lệch tỷ giá hối đoái VND	Quý đầu tư phát triển VND	Quý dự phòng tài chính VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản VND	Tổng vốn chủ sở hữu VND	Quý khen thưởng và phúc lợi VND	Quý sắp xếp lại doanh nghiệp VND	Tổng VND
Số dư ngày 1 tháng 1 năm 2009 - đã báo cáo trước đây	3.330.248.767.218	13.915.113.750	-	-	18.830.164.561	13.238.056.237	-	-	3.376.232.101.766	7.053.110.543	-	3.383.285.212.309
Tăng vốn góp	41.095.663.866	-	-	-	-	-	-	-	41.095.663.866	-	-	41.095.663.866
Giảm vốn góp	(103.836.933.649)	-	-	-	-	-	-	-	(103.836.933.649)	-	-	(103.836.933.649)
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	-	-	6.023.686	-	-	-	-	-	6.023.686	-	-	6.023.686
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	-	-	186.963.728.500	-	186.963.728.500	-	-	186.963.728.500
Nhận từ nguồn chủ phí	-	-	-	-	-	-	-	13.400.000	-	13.400.000	-	13.400.000
Sử dụng các quỹ	-	-	-	-	-	-	-	-	-	(3.041.917.200)	-	(3.041.917.200)
Chuyển sang công ty liên kết	-	(13.915.113.750)	-	-	-	-	(3.285.736.956)	-	(17.200.850.706)	-	-	(17.200.850.706)
Số dư ngày 1 tháng 1 năm 2010 - đã báo cáo trước đây	3.267.507.497.435	-	-	6.023.686	18.830.164.561	13.238.056.237	183.677.991.544	-	3.483.259.733.463	4.024.593.343	-	3.487.284.326.806
Điều chỉnh lại số liệu của năm trước (Thuyết minh số 3)	(2.207.868.775)	-	-	38.274.355	(184.454.859)	(279.477.060)	9.067.150.786	-	6.433.624.447	(122.969.907)	-	6.310.654.540
Số dư ngày 1 tháng 1 năm 2010 - điều chỉnh lại	3.265.299.628.660	-	-	44.298.041	18.645.709.702	12.958.579.177	192.745.142.330	-	3.489.693.357.910	3.901.623.436	-	3.493.594.981.346

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành các báo cáo tài chính riêng này

W-3, 6/2/2011

Tập đoàn Dệt-Mây Việt Nam
Báo cáo thay đổi vốn chủ sở hữu riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 (tiếp theo)

	Vốn góp VND	Vốn khác VND	Chênh lệch đánh giá lại tài sản VND	Chênh lệch tỷ giá hối đoái VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ dự phòng tài chính VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản VND	Tổng vốn chủ sở hữu VND	Quỹ khen thưởng và phúc lợi VND	Quỹ sắp xếp lại doanh nghiệp VND	Tổng VND
Số dư ngày 1 tháng 1 năm 2010 - điều chỉnh lại	3.265.299.628.660	-	-	44.298.041	18.645.709.702	12.938.579.177	192.745.142.330	-	3.489.693.357.910	3.901.623.436	-	3.493.594.981.346
Tăng vốn góp do nhận khoản đầu tư mới từ các công ty con	21.614.577.880	-	-	-	-	-	-	-	21.614.577.880	-	-	21.614.577.880
Bổ sung vốn góp từ các quỹ	115.471.053.164	-	-	-	(10.645.104.076)	39.471.788.871	(361.827.170.113)	77.917.829.000	(139.611.603.154)	-	139.611.603.154	(2.385.259.704)
Giảm vốn góp	(2.385.259.704)	-	-	-	-	-	-	49.000.000.000	49.000.000.000	-	-	49.000.000.000
Tặng quỹ từ Bộ Tài chính	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Tặng quỹ từ phải thu về cổ phần mua công ty con	-	-	255.160.422	-	-	-	-	-	255.160.422	-	-	255.160.422
Chênh lệch đánh giá tài sản	-	-	-	-	-	-	-	-	32.155.078	-	-	32.155.078
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	-	-	-	32.155.078	-	-	-	-	32.155.078	-	-	32.155.078
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	-	-	201.352.623.005	-	201.352.623.005	-	-	201.352.623.005
Phân loại lại cho Quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	-	-	-	-	-	(3.901.623.436)	-	(3.901.623.436)
Phân bổ vào quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	-	-	(32.270.595.222)	-	(32.270.595.222)	-	-	(32.270.595.222)
Sử dụng các quỹ	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	(12.725.277.321)	(12.725.277.321)
Số dư ngày 31 tháng 12 năm 2010	3.400.000.000.000	-	255.160.422	76.453.119	8.000.605.626	52.430.368.048	-	126.917.829.000	3.587.680.416.215	-	189.449.938.820	3.777.130.355.035



(Signature)
 Nguyễn Ngọc Cách
 Người lập biểu

(Signature)
 Phạm Văn Tân
 Trưởng Ban Tài chính

(Signature)
 Trần Quang Nghị
 Tổng Giám đốc

30 -06- 2011

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành các báo cáo tài chính riêng này

Tập đoàn Dệt-May Việt Nam

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

	Mã số	Thuyết minh	2010 VND	2009 VND (điều chỉnh lại)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
Lợi nhuận trước thuế	01		201.475.199.818	200.243.596.775
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao và phân bổ	02		40.990.607.769	49.918.512.603
Các khoản dự phòng	03		82.292.688.322	10.293.887.804
Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		32.155.078	6.023.686
Lãi từ hoạt động đầu tư	05		(280.772.428.310)	(247.353.960.135)
Chi phí lãi vay	07		10.436.281.661	11.185.082.399
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		54.454.504.338	24.293.143.132
Biến động các khoản phải thu và tài sản ngắn hạn khác	09		21.586.958.042	(53.631.179.661)
Biến động hàng tồn kho	10		38.142.982.686	58.283.095.312
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11		3.466.458.586	(50.419.321.741)
			117.650.903.652	(21.474.262.958)
Tiền lãi vay đã trả	13		(4.764.644.429)	(11.566.760.933)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(8.372.239.830)	(255.664.907)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		(12.725.277.321)	(3.897.682.458)
Tiền thuần thu từ/(chi cho) các hoạt động kinh doanh	20		91.788.742.072	(37.194.371.256)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
Tiền chi mua tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21		(34.850.484.711)	(68.371.082.515)
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	22		-	205.700.635
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(497.287.217.764)	(161.717.371.499)
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	26		78.207.699.851	114.523.929.967
Tiền chi đơn vị phụ thuộc tách ra hoạt động độc lập			(50.306.456.115)	-
Tiền thu lãi cho vay và cổ tức	27		305.592.148.499	170.958.367.947
Tiền thuần (chi cho)/thu từ các hoạt động đầu tư	30		(198.644.310.240)	55.599.544.535

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành các báo cáo tài chính riêng này

Tập đoàn Dệt-May Việt Nam

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 (tiếp theo)

	Mã số	Thuyết minh	2010 VND	2009 VND (điều chỉnh lại)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ CÁC HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
Tiền thu từ tăng vốn	31		49.000.000.000	41.058.663.866
Tiền vay ngắn hạn và dài hạn nhận được	33		229.600.000.000	71.553.018.330
Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(31.893.000.000)	(96.192.642.112)
Tiền thuần thu từ các hoạt động tài chính	40		246.707.000.000	16.419.040.084
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		139.851.431.832	34.824.213.363
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	60		257.227.185.652	222.402.972.289
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm	70	4	397.078.617.484	257.227.185.652

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành các báo cáo tài chính riêng này

Tập đoàn Dệt-May Việt Nam

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 (tiếp theo)

CÁC GIAO DỊCH PHI TIỀN TỆ TỪ CÁC HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ VÀ TÀI CHÍNH

	2010 VND	2009 VND
Giảm vốn thông qua cổ phần hóa các công ty con	(2.385.259.704)	(86.836.118.382)
Giảm vốn do thay mặt các công ty con thanh toán trợ cấp thôi việc	-	(17.000.815.267)
Tăng vốn do nhận khoản đầu tư mới từ các công ty con	21.614.577.880	-
Tăng vốn khác	-	37.000.000
Tăng vốn từ phải thu từ cổ phần hóa	62.563.612.987	-
Tăng khoản đầu tư từ phải thu	-	79.919.172.953
Tăng đầu tư từ việc nhận cổ phiếu thưởng	-	10.101.650.000
Giảm khoản đầu tư do giảm vốn	-	(86.836.118.382)
Giảm đầu tư do ghi giảm khoản phải thu	-	(213.357.008.722)
Tăng tài sản do đánh giá lại	255.160.422	-
Giảm khoản phải thu và tài sản ngắn hạn do chia tách một đơn vị phụ thuộc	66.434.808.375	-
Giảm hàng tồn kho do chia tách một đơn vị phụ thuộc	146.453.953.654	-
Giảm tài sản cố định và tài sản dài hạn khác do chia tách một đơn vị phụ thuộc	146.948.467.134	-
Giảm khoản đầu tư do chia tách một đơn vị phụ thuộc	2.570.322.857	-
Giảm tài sản cố định và tài sản dài hạn do chia tách một đơn vị phụ thuộc	(258.472.319.057)	-
Giảm khoản vay ngắn hạn và dài hạn do chia tách một đơn vị phụ thuộc	(12.491.166.000)	(36.010.954.336)




 Nguyễn Ngọc Cách
 Người lập biểu


 Phạm Văn Tân
 Trưởng Ban Tài chính


 Trần Quang Nghị
 Tổng Giám đốc

30 -06- 2011

Tập đoàn Dệt-May Việt Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các báo cáo tài chính riêng đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

Tập đoàn Dệt-May Việt Nam là một công ty TNHH một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu theo quyết định số 974/QĐ-Ttg ngày 25 tháng 6 năm 2010.

Các báo cáo tài chính riêng của Tập đoàn Dệt-May Việt Nam cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 bao gồm Tập đoàn Dệt-May Việt Nam và các đơn vị hạch toán phụ thuộc của Tập đoàn Dệt-May Việt Nam:

Tên	Thông tin chính
• Công ty Đầu tư Xây dựng An Thịnh Vinatex	Đăng ký tại Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4116000536 ngày 19 tháng 10 năm 2005 với tư cách là một đơn vị phụ thuộc của Tập đoàn Dệt-May Việt Nam.
• Công ty Cổ phần Xử lý nước thải Khu Công nghiệp Dệt May Phố Nối	Đăng ký tại Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hưng Yên theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 316934 ngày 6 tháng 8 năm 2003 với tư cách là một đơn vị phụ thuộc của Tập đoàn Dệt-May Việt Nam.
• Xi nghiệp Sản xuất Kinh doanh Áo vét Hải Phòng	Đăng ký tại Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hải Phòng theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0216000103 ngày 19 tháng 10 năm 2007 với tư cách là một đơn vị phụ thuộc của Tập đoàn Dệt-May Việt Nam.

Ngày 6 tháng 5 năm 2010, Công ty Kinh doanh Thời trang Việt Nam, một đơn vị phụ thuộc Tập đoàn Dệt-May Việt Nam, chính thức chuyển đổi thành Công ty TNHH Một thành viên Thương Mại Thời Trang Dệt May Việt Nam theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 030995793 do Sở kế hoạch và Đầu tư Thành Phố Hồ Chí Minh cấp. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 bao gồm kết quả kinh doanh của Công ty TNHH Kinh doanh thời trang Việt Nam cho giai đoạn từ ngày 1 tháng 1 năm 2010 đến ngày 5 tháng 5 năm 2010.

Tập đoàn Dệt-May Việt Nam có nhiệm vụ hoạt động kinh doanh, đầu tư vốn và có toàn quyền quản lý vốn Nhà nước trong các công ty con của Tập đoàn để đảm bảo duy trì và phát triển nguồn vốn được Chính phủ Việt Nam giao cho Tập đoàn Dệt-May Việt Nam với các hoạt động chính như sau:

1. Sản xuất và kinh doanh trong các lĩnh vực sau:

- Công nghiệp dệt may: sản xuất, kinh doanh nguyên vật liệu, vật tư, thiết bị, phụ tùng, phụ liệu, hóa chất, thuốc nhuộm và các sản phẩm cuối cùng của ngành dệt may; sản xuất kinh doanh hàng dệt may gồm các chủng loại xơ, sợi, vải, hàng may mặc, dệt kim, chỉ khâu, khăn bông len, thảm, dây tơ, tơ tằm, vải tơ tằm, vải kỹ thuật, vải không dệt, vải trang trí nội thất;

Tập đoàn Dệt-May Việt Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 (tiếp theo)

- Gia công, sản xuất, chế biến nông, lâm, thủy hải sản (sơ chế); đóng gói thực phẩm tươi, thực phẩm sơ chế, thực phẩm khô, bánh mứt các loại;
- Sản xuất kinh doanh nguyên liệu bông xơ; nguyên phụ liệu, bao bì cho sản xuất và chế biến bông; dịch vụ kỹ thuật và kinh doanh các loại giống cây trồng, phân bón và vật tư nông nghiệp khác; sản xuất các chế phẩm sinh học phục vụ cho ngành nông lâm nghiệp; chế biến nông sản; kiểm nghiệm giống bông, giống cây trồng, chất lượng bông xơ;
- Xuất nhập khẩu và kinh doanh thương mại: hàng dệt may, thiết bị phụ tùng ngành dệt may; phụ liệu, hóa chất, thuốc nhuộm; hàng công nghệ thực phẩm; nông, lâm, hải sản; thủ công mỹ nghệ; ô tô, xe máy; thiết bị âm thanh, ánh sáng; thiết bị tạo mẫu thời trang; phương tiện vận tải, vật liệu điện, điện tử, phần mềm và thiết bị tin học, cao su; nước uống dinh dưỡng và mỹ phẩm các loại; phụ tùng, máy móc, thiết bị phục vụ công nghiệp; dụng cụ quang học, hệ thống kiểm tra đo lường phục vụ công tác thí nghiệm; phế liệu và thành phẩm sắt, thép và kim loại màu; kinh doanh quần áo và trang thiết bị bảo hộ lao động và các mặt hàng tiêu dùng khác;
- Kinh doanh bán lẻ các sản phẩm dệt may và các sản phẩm tiêu dùng khác, gồm: đầu tư xây dựng siêu thị; cho thuê nhà phục vụ các mục đích kinh doanh (kiốt, trung tâm thương mại); cho thuê kho, bãi đậu xe, dịch vụ giữ xe; mua bán hàng dệt may, vật tư công nghiệp và các sản phẩm tiêu dùng khác; bia, rượu, thuốc lá các loại; bán hàng lưu động đã đăng ký trong giấy phép đăng ký kinh doanh;
- Dịch vụ: thi công, lắp đặt hệ thống điện dân dụng, điện lạnh, công nghiệp; tư vấn, thiết kế quy trình công nghệ, bố trí máy móc thiết bị cho ngành công nghiệp dân dụng; tư vấn thiết kế lập các dự án đầu tư trong lĩnh vực dệt may, môi trường; tư vấn giám sát, kiểm tra, đánh giá hoạt động trong lĩnh vực sản xuất kỹ thuật, thương mại và môi trường; thiết kế, chế tạo thiết bị, linh kiện và lắp đặt hệ thống điện công nghiệp, hệ thống cầu, thang nâng hạ, thang máy sản xuất, kinh doanh sửa chữa, lắp đặt các sản phẩm cơ khí và máy móc thiết bị công nghiệp; thực hiện các dịch vụ thương mại và công việc có tính chất công nghiệp; giám định kiểm tra chất lượng nguyên phụ liệu, hoá chất, thuốc nhuộm và các sản phẩm dệt may; dịch vụ đào tạo, nghiên cứu khoa học, chuyên giao công nghệ, đào tạo nghề dệt may công nghiệp, nghề cơ khí; xuất khẩu lao động Việt Nam; uỷ thác mua bán xăng, dầu; kinh doanh kho vận, kho ngoại quan; thiết kế, thi công xây lắp phục vụ ngành công nghiệp và xây dựng dân dụng; dịch vụ khoa học công nghệ, du lịch, khách sạn, nhà hàng, văn phòng, vận tải, du lịch lữ hành trong nước; tư vấn thiết kế dịch vụ đầu tư và kinh doanh cơ sở hạ tầng, dịch vụ ăn uống bình dân, dịch vụ vui chơi giải trí, thể dục thể thao; đại lý bán vé máy bay và đại lý bưu chính viễn thông;
- Kinh doanh tài chính; hoạt động tài chính, ngân hàng, tư vấn kiểm toán báo cáo tài chính, chứng khoán, dịch vụ tài chính khác;
- Đầu tư kinh doanh cơ sở hạ tầng, khu công nghiệp và đô thị: kinh doanh bất động sản; kinh doanh phát triển nhà, khu công nghiệp, đô thị; cho thuê nhà xưởng, nhà ở, văn phòng; đầu tư kinh doanh bưu chính viễn thông;

Tập đoàn Dệt-May Việt Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 (tiếp theo)

- Tổ chức hội chợ triển lãm, biểu diễn thời trang trong và ngoài nước; xuất bản, in ấn; và
 - Đầu tư ra nước ngoài; làm đại diện cho các công ty nước ngoài tại Việt Nam.
2. Đầu tư, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của chủ sở hữu, cổ đông, thành viên góp vốn tại các công ty con, công ty liên kết.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010, Tập đoàn Dệt-May Việt Nam có 931 nhân viên (31/12/2009: 2.614 nhân viên).

2. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Tập đoàn Dệt-May Việt Nam áp dụng trong việc lập các báo cáo tài chính riêng này.

(a) Cơ sở lập báo cáo tài chính

Các báo cáo tài chính riêng trình bày bằng Đồng Việt Nam ("VND"), được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan.

Các báo cáo tài chính riêng, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng được lập theo phương pháp gián tiếp.

(b) Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

(c) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng các đơn vị tiền tệ khác với VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá hối đoái quy định tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Các giao dịch bằng các đơn vị tiền tệ khác VND phát sinh trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá hối đoái xấp xỉ tỷ giá hối đoái quy định tại ngày giao dịch.

Từ ngày 1 tháng 1 năm 2009, Tập đoàn Dệt-May Việt Nam áp dụng phi hồi tố Thông tư số 201/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành về ghi nhận chênh lệch tỷ giá hối đoái. Thông tư này hướng dẫn ghi nhận chênh lệch tỷ giá hối đoái như sau:

- Chênh lệch tỷ giá hối đoái liên quan đến hoạt động xây dựng các tài sản cố định hữu hình hay chuyển đổi các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ phát sinh trong giai đoạn trước hoạt động của Tập đoàn Dệt-May Việt Nam, thì được ghi nhận vào tài khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái thuộc nguồn vốn chủ sở hữu cho đến khi các tài sản cố định hữu hình này được đưa vào sử dụng, các chênh lệch tỷ giá hối đoái đã thực hiện có liên quan được kết chuyển toàn bộ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái được kết chuyển vào tài khoản doanh thu chưa thực hiện và lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái được kết chuyển vào tài khoản trả trước dài hạn. Các khoản lãi và lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện này được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng năm năm.

Tập đoàn Dệt-May Việt Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 (tiếp theo)

- Chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh từ việc đánh giá lại các khoản tài sản và nợ phải trả tiền tệ ngắn hạn có gốc ngoại tệ được ghi nhận vào tài khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái thuộc nguồn vốn chủ sở hữu. Các chênh lệch tỷ giá hối đoái này sẽ được ghi đảo để xóa sổ vào đầu kỳ sau;
- Chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh từ việc đánh giá lại các khoản tài sản và nợ phải trả tiền tệ dài hạn có gốc ngoại tệ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- Chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh từ việc đánh giá lại các khoản tài sản và nợ phải trả tiền tệ dài hạn có gốc ngoại tệ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, trừ khi mỗi đơn vị phụ thuộc của Tập đoàn Dệt-May Việt Nam bị lỗ trong năm thì khoản lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh từ việc đánh giá lại các khoản tài sản và nợ phải trả tiền tệ dài hạn có gốc ngoại tệ được ghi nhận vào tài khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái thuộc nguồn vốn chủ sở hữu để đơn vị phụ thuộc đó không bị lỗ trong năm. Khoản lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái ghi nhận trong tài khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng năm năm; và
- Chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh từ việc thanh toán các tài sản và công nợ tiền tệ có gốc ngoại tệ được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

(d) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

(e) Các khoản đầu tư

Các khoản đầu tư được phản ánh theo nguyên giá. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi Cơ quan Tổng Giám Đốc cho rằng việc giảm giá này không mang tính tạm thời. Dự phòng được hoàn nhập nếu việc tăng giá trị có thể thu hồi sau đó có thể liên hệ một cách khách quan tới một sự kiện phát sinh sau khi khoản dự phòng này được lập. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư này khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(f) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Tập đoàn Dệt-May Việt Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 (tiếp theo)

(g) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và sản phẩm dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung đã được phân bổ. Giá trị có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí bán hàng.

Tập đoàn Dệt-May Việt Nam sử dụng phương pháp phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

(h) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí phân bổ trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu thường được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm tại thời điểm phát sinh chi phí. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được do việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn đã được đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hoá như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa	6 - 50 năm
▪ máy móc và thiết bị	8 - 10 năm
▪ phương tiện vận chuyển	6 - 10 năm
▪ thiết bị văn phòng	2 - 8 năm

(i) Tài sản cố định vô hình

(i) Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất được thể hiện theo nguyên giá trừ giá trị phân bổ lũy kế. Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất bao gồm tiền thuê đất trả trước và các chi phí phân bổ trực tiếp phát sinh liên quan tới việc bảo đảm quyền sử dụng đất.

Tập đoàn Dệt-May Việt Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 (tiếp theo)

(ii) Phần mềm vi tính

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Giá mua của phần mềm máy vi tính được tính phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng từ 3 đến 10 năm.

(j) Xây dựng cơ bản dở dang

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi cho xây dựng và máy móc chưa được hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

(k) Hợp đồng xây dựng cơ bản dở dang

Hợp đồng xây dựng cơ bản dở dang được phản ánh theo giá vốn cộng với lợi nhuận ước tính cho đến thời điểm kết thúc niên độ kế toán trừ đi dự phòng lỗ dự kiến. Giá vốn phản ánh các khoản chi phí liên quan trực tiếp và có thể tính vào giá thành theo hợp đồng xây dựng.

(l) Chi phí trả trước dài hạn

(i) Chi phí đất trả trước

Chi phí đất trả trước bao gồm tiền thuê đất trả trước và các chi phí phát sinh khác liên quan đến việc bảo đảm cho việc sử dụng đất thuê. Các chi phí này được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê đất là 29 năm.

(ii) Công cụ và dụng cụ

Công cụ và dụng cụ được ghi nhận theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng 2 đến 5 năm.

(m) Các khoản phải trả thương mại và các khoản phải trả khác

Các khoản phải trả thương mại và khoản phải trả khác thể hiện theo nguyên giá.

(n) Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Tập đoàn Dệt-May Việt Nam có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các nghĩa vụ về khoản nợ phải trả đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến có thể phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá hiện tại của thị trường về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

Tập đoàn Dệt-May Việt Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 (tiếp theo)

(o) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán, cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả được dự kiến sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

(p) Doanh thu

(i) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại.

(ii) Cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo tỷ lệ phần trăm hoàn thành của giao dịch tại ngày kết thúc niên độ. Tỷ lệ phần trăm hoàn thành công việc được đánh giá dựa trên khảo sát các công việc đã được thực hiện. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

(iii) Dịch vụ gia công

Doanh thu cung cấp dịch vụ gia công được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi hàng hoá được gia công xong và được người mua chấp nhận. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố trọng yếu không chắc chắn liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

Tập đoàn Dệt-May Việt Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 (tiếp theo)

(iv) Hợp đồng xây dựng

Doanh thu hợp đồng xây dựng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo tiến độ hoàn thành khi kết quả của hợp đồng xây dựng có thể ước tính được một cách đáng tin cậy. Tiến độ hoàn thành được đánh giá dựa trên khảo sát các công việc đã thực hiện. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố trọng yếu không chắc chắn liên quan đến khả năng thu hồi các khoản phải thu.

(v) Doanh thu cho thuê

Doanh thu cho thuê tài sản được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng cho thuê được ghi nhận như là một bộ phận hợp thành của tổng doanh thu cho thuê.

(vi) Thu nhập từ cổ tức

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi quyền nhận cổ tức được xác lập.

(q) Chi phí vay

Chi phí vay được ghi nhận là chi phí trong năm khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí vay thì khi đó chi phí vay sẽ được vốn hoá và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

(r) Các công ty liên quan

Các công ty liên quan bao gồm các công ty con, công ty liên kết của Tập đoàn Dệt-May Việt Nam.

(s) Các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán

Các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán, như được định nghĩa trong Hệ thống Kế toán Việt Nam, được trình bày trong các thuyết minh thích hợp của báo cáo tài chính này.

Tập đoàn Dệt-May Việt Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 (tiếp theo)

3. Điều chỉnh số liệu của năm trước

Trong năm 2010, Kiểm toán Nhà Nước đã thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính riêng của Tập đoàn Dệt-May Việt Nam. Kết quả của cuộc kiểm toán này làm thay đổi số liệu của một số tài sản, nợ phải trả tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 và các thu nhập và chi phí liên quan cho năm kết thúc cùng ngày, chi tiết như sau:

	Đã báo cáo trước đây VND	Điều chỉnh VND	Điều chỉnh lại VND
<i>Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2009</i>			
Phải thu khách hàng	84.632.866.088	(3.929.214.059)	80.703.652.029
Trả trước cho người bán	27.044.032.877	(8.273.319.529)	18.770.713.348
Các khoản phải thu khác	628.767.647.165	64.913.984.890	693.681.632.055
Dự phòng phải thu khó đòi	(18.857.083.469)	1.300.361.959	(17.556.721.510)
Hàng tồn kho	192.834.816.211	483.404.792	193.318.221.003
Thuế phải thu Nhà nước	160.547.973	11.533.586.734	11.694.134.707
Tài sản ngắn hạn khác	5.399.990.429	1.218.526.841	6.618.517.270
Tài sản cố định hữu hình	348.740.880.967	(6.816.094.637)	341.924.786.330
Tài sản cố định vô hình	72.226.589.795	(2.067.052.106)	70.159.537.689
Xây dựng cơ bản dở dang	24.407.420.093	50.727.563.224	75.134.983.317
Chi phí trả trước dài hạn	38.926.634.526	(3.058.582.278)	35.868.052.248
Phải thu dài hạn khác	77.249.674.501	(77.249.674.501)	-
Người mua trả tiền trước	1.243.323.394	(720.000)	1.242.603.394
Thuế phải nộp Nhà nước	11.422.128.539	1.140.441.263	12.562.569.802
Chi phí phải trả	5.013.265.809	(2.227.599)	5.011.038.210
Các khoản phải trả, phải nộp khác	63.534.315.339	21.364.723.126	84.899.038.465
Quỹ khen thưởng và phúc lợi	4.024.593.343	(122.969.907)	3.901.623.436
Dự phòng trợ cấp thôi việc	109.334.243	(29.380.000)	79.954.243
Vốn góp	3.267.507.497.435	(2.207.868.775)	3.265.299.628.660
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	6.023.686	38.274.355	44.298.041
Quỹ đầu tư phát triển	18.830.164.561	(184.454.859)	18.645.709.702
Quỹ dự phòng tài chính	13.238.056.237	(279.477.060)	12.958.579.177
Lợi nhuận chưa phân phối	183.677.991.544	9.067.150.786	192.745.142.330

Báo cáo kết quả kinh doanh riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Tổng doanh thu	1.036.154.139.106	(13.380.950.901)	1.022.773.188.205
Các khoản giảm trừ doanh thu	(2.149.371.502)	(46.353.788)	(2.195.725.290)
Giá vốn hàng bán	(825.704.240.484)	17.321.421.861	(808.382.818.623)
Doanh thu hoạt động tài chính	247.679.065.536	(430.265.268)	247.248.800.268
Chi phí tài chính	(21.129.326.280)	51.956.170	(21.077.370.110)
Chi phí bán hàng	(150.758.870.991)	63.981.988	(150.694.889.003)
Chi phí quản lý doanh nghiệp	(99.543.336.108)	4.942.977.304	(94.600.358.804)
Thu nhập khác	7.581.198.209	168.824.571	7.750.022.780
Chi phí khác	(615.711.693)	38.459.045	(577.252.648)
Thuế thu nhập doanh nghiệp	(4.549.817.293)	(2.129.538.056)	(6.679.355.349)

Tập đoàn Dệt-May Việt Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 (tiếp theo)

4. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2010 VNĐ	31/12/2009 VNĐ
Tiền mặt	1.231.581.969	9.788.512.717
Tiền gửi ngân hàng	90.847.035.515	72.738.371.035
Tiền đang chuyển	-	200.301.900
Các khoản tương đương tiền	305.000.000.000	174.500.000.000
	<hr/>	<hr/>
	397.078.617.484	257.227.185.652

Trong tiền tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 có số tiền bằng các đơn vị tiền tệ khác VNĐ là 861.986.163 VNĐ (31/12/2009: 739.777.768 VNĐ).

5. Đầu tư tài chính ngắn hạn

Đầu tư tài chính ngắn hạn là các khoản tiền gửi kỳ hạn từ 3 tháng đến 13 tháng và hưởng lãi suất từ 10,3 % đến 12,5%.

6. Phải thu ngắn hạn và dài hạn

Các khoản phải thu ngắn hạn bao gồm các khoản phải thu sau từ các bên liên quan:

	31/12/2010 VNĐ	31/12/2009 VNĐ
Thương mại	22.129.426.447	9.062.408.973
Phi thương mại	59.732.966.035	55.772.943.829
	<hr/>	<hr/>

Các khoản phải thu phi thương mại từ các bên liên quan không có bảo đảm, không chịu lãi và có thể thu được theo yêu cầu.

Tập đoàn Dệt-May Việt Nam**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 (tiếp theo)**

Các khoản phải thu ngắn hạn khác bao gồm:

	31/12/2010 VND	31/12/2009 VND (điều chỉnh lại)
Các khoản phải thu về cổ phần hóa	44.581.358.972	42.078.943.102
Cổ tức phải thu	154.668.777.512	107.035.737.585
Cho vay và tiền lãi	476.981.536.890	357.993.230.143
Hoa hồng phải thu	-	6.742.899.328
Đầu tư vào công ty con chờ thanh toán	32.782.095.000	61.265.320.795
Lợi nhuận giữ lại phải thu từ các công ty con	40.718.304.095	90.946.271.745
Các khoản phải thu khác	2.067.274.650	27.619.229.357
	<hr/>	<hr/>
	751.799.347.119	693.681.632.055

Các khoản phải thu dài hạn khác phản ánh các khoản cho vay dài hạn mà Tập đoàn Dệt-May Việt Nam cho các công ty con vay như sau:

	31/12/2010 VND	31/12/2009 VND (điều chỉnh lại)
Công ty Cổ phần Nhuộm và Hoàn tất Vải Vinatex	37.344.643.037	-
Trường Cao đẳng Công nghiệp	-	-
Dệt May Thời trang Hà Nội	40.500.000.000	-
Các công ty con khác	7.897.078.000	-
	<hr/>	<hr/>
	85.741.721.037	-

Các khoản cho vay này chịu lãi suất năm trong khoảng từ 0% đến 12% với thời hạn từ 2 đến 10 năm.

Biến động trong năm của dự phòng phải thu khó đòi như sau:

	2010 VND	2009 VND (điều chỉnh lại)
Số dư đầu năm	17.556.721.510	14.303.875.879
Tăng dự phòng trong năm	44.377.007.897	8.115.885.201
Sử dụng dự phòng trong năm	-	(264.132.629)
Hoàn nhập	(16.904.086.226)	(4.598.906.941)
	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối năm	45.029.643.181	17.556.721.510

Tập đoàn Dệt-May Việt Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 (tiếp theo)

7. Hàng tồn kho

	31/12/2010 VNĐ	31/12/2009 VNĐ (điều chỉnh lại)
Nguyên vật liệu	569.307.389	119.115.847
Công cụ và dụng cụ	12.698.000	1.507.891.704
Sản phẩm dở dang	-	1.165.305.929
Hàng hóa	-	172.743.823.041
Hàng gửi đi bán	-	17.782.084.482
	<hr/> 582.005.389	<hr/> 193.318.221.003
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	(8.960.013.283)
	<hr/> 582.005.389	<hr/> 184.358.207.720

Biến động trong năm của dự phòng giảm giá hàng tồn kho là như sau:

	2010 VNĐ	2009 VNĐ
Số dư đầu năm	8.960.013.283	10.772.966.043
Tăng dự phòng trong năm	-	7.001.444.828
Sử dụng dự phòng trong năm	(820.734.009)	(8.814.397.588)
Giảm do chia tách Công ty TNHH MTV Thương Mại Thời Trang Dệt May Việt Nam	(8.139.279.274)	-
	<hr/> -	<hr/> 8.960.013.283

Tập đoàn Dệt-May Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 (tiếp theo)

8. Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá	Nhà cửa VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Thiết bị văn phòng VND	Tổng VND
Số dư đầu năm - điều chỉnh lại	178.892.937.761	273.562.237.557	10.554.081.153	9.901.849.417	472.911.105.888
Tăng trong năm	7.193.184.979	4.371.691.148	996.007.273	1.076.675.189	13.637.558.589
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	22.822.219.889	18.330.605.453	-	-	41.152.825.342
Phân loại lại	(219.466.121)	136.574.489	70.022.831	12.868.801	-
Thanh lý	-	(13.612.410)	(94.568.286)	(881.832.691)	(990.013.387)
Giảm do chia tách Công ty TNHH MTV Thương Mại Thời Trang Dệt May Việt Nam	(70.175.567.247)	(45.847.016.654)	(3.845.614.751)	(3.887.785.829)	(123.755.984.481)
Chuyển sang các công ty con, công ty liên kết	-	-	(533.975.460)	-	(533.975.460)
Chênh lệch đánh giá lại tài sản	4.310.363	-	-	-	4.310.363
Số dư cuối năm	138.517.619.624	250.540.479.583	7.145.952.760	6.221.774.887	402.425.826.854
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm - điều chỉnh lại	40.594.060.438	79.474.968.734	5.490.133.655	5.427.156.731	130.986.319.558
Khấu hao trong năm	7.475.391.645	24.226.750.412	1.069.538.467	681.503.180	33.453.183.704
Giảm do chia tách Công ty TNHH MTV Thương Mại Thời Trang Dệt May Việt Nam	(13.631.686.852)	(17.221.431.544)	(2.021.203.379)	(2.555.220.864)	(35.429.542.639)
Thanh lý	-	(92.417.650)	-	(881.832.691)	(974.250.341)
Chuyển sang các công ty con, công ty liên kết	-	-	(166.410.855)	-	(166.410.855)
Chênh lệch đánh giá lại tài sản	(231.397.621)	-	-	-	(231.397.621)
Số dư cuối năm	34.206.367.610	86.387.869.952	4.372.057.888	2.671.606.356	127.637.901.806
Giá trị còn lại					
Số dư đầu năm - điều chỉnh lại	138.298.877.323	194.087.268.823	5.063.947.498	4.474.692.686	341.924.786.330
Số dư cuối năm	104.311.252.014	164.152.609.631	2.773.894.872	3.550.168.531	274.787.925.048

Tập đoàn Dệt-May Việt Nam**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 (tiếp theo)**

Trong tài sản cố định hữu hình có các tài sản có nguyên giá 10.537 triệu VND được khấu hao hết đến ngày 31 tháng 12 năm 2010 (31/12/2009: 17.781 triệu VND), nhưng vẫn đang được sử dụng.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 tài sản cố định hữu hình có giá trị ghi sổ là 154.244 triệu VND (31/12/2009: 213.965 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Tập đoàn Dệt-May Việt Nam.

9. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy vi tính VND	Tổng VND
Nguyên giá			
Số dư đầu năm - điều chỉnh lại	71.593.395.800	7.457.049.002	79.050.444.802
Tăng trong năm	9.165.589.394	-	9.165.589.394
Giảm do chia tách Công ty TNHH MTV Thương Mại Thời Trang Dệt May Việt Nam	(9.048.667.200)	(256.185.000)	(9.304.852.200)
Số dư cuối năm	71.710.317.994	7.200.864.002	78.911.181.996
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm - điều chỉnh lại	4.267.157.540	4.623.749.573	8.890.907.113
Khấu hao trong năm	14.412.333	551.893.917	566.306.250
Giảm do chia tách Công ty TNHH MTV Thương Mại Thời Trang Dệt May Việt Nam	(14.412.333)	(155.255.358)	(169.667.691)
Số dư cuối năm	4.267.157.540	5.020.388.132	9.287.545.672
Giá trị còn lại			
Số dư đầu năm - điều chỉnh lại	67.326.238.260	2.833.299.429	70.159.537.689
Số dư cuối năm	67.443.160.454	2.180.475.870	69.623.636.324

Tập đoàn Dệt-May Việt Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 (tiếp theo)

10. Xây dựng cơ bản dở dang

	2010 VND	2009 VND
Số dư đầu năm - điều chỉnh lại	75.134.983.317	36.555.646.363
Tăng trong năm	1.2020.335.263	72.862.441.913
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(41.152.825.342)	(33.892.117.420)
Giảm do chia tách Công ty TNHH MTV Thương Mại Thời Trang Dệt May Việt Nam	(7.373.041.207)	-
Xóa sổ	(16.037.749.474)	(390.987.539)
	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối năm	11.773.702.557	75.134.983.317

11. Đầu tư tài chính dài hạn

	31/12/2010 VND	31/12/2009 VND
Đầu tư dài hạn dạng vốn chủ sở hữu vào:		
▪ Các công ty con	1.822.722.235.442	1.639.674.166.001
▪ Các công ty liên kết	212.965.265.000	209.075.587.857
Các khoản đầu tư dài hạn khác	646.716.516.139	420.306.495.139
	<hr/>	<hr/>
	2.682.404.016.581	2.269.056.248.997
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	(74.520.338.119)	(18.879.837.459)
	<hr/>	<hr/>
	2.607.883.678.462	2.250.176.411.538

Biến động dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn trong năm như sau:

	2010 VND	2009 VND
Số dư đầu năm	18.879.837.459	9.033.148.314
Tăng dự phòng trong năm	55.640.500.660	15.781.997.082
Hoàn nhập	-	(5.935.307.937)
	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối năm	74.520.338.119	18.879.837.459

Tập đoàn Dệt-May Việt Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 (tiếp theo)

12. Các đơn vị thuộc Tập đoàn

Tập đoàn Dệt-May Việt Nam có 36 công ty con, trong đó các công ty con giữ vai trò quan trọng là:

Tên công ty	31/12/2010		31/12/2009	
	% sở hữu	% quyền biểu quyết	% sở hữu	% quyền biểu quyết
Công ty con				
Công ty Cổ phần Tài chính Dệt May	100,00%	100,00%	100,00%	100,00%
Công ty TNHH Dệt Kim Đông Phương	100,00%	100,00%	100,00%	100,00%
Công ty TNHH Dệt 8/3	100,00%	100,00%	100,00%	100,00%
Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ	68,49%	68,49%	68,49%	68,49%
Công ty Cổ phần Sản xuất - Xuất nhập khẩu Dệt May	65,00%	65,00%	65,00%	65,00%
Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hà Nội	57,57%	57,57%	57,57%	57,57%
Tổng Công ty Cổ phần May 10	36,99%	36,99%	54,80%	54,80%
Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định	53,67%	53,67%	53,67%	53,67%
Tổng Công ty Cổ phần May Việt Tiến	52,99%	52,99%	52,99%	52,99%
Tổng Công ty Việt Thắng - CTCP	52,14%	52,14%	52,14%	52,14%
Tổng Công ty Cổ phần Phong Phú	52,00%	52,00%	52,00%	52,00%

Tập đoàn Dệt-May Việt Nam có 25 công ty liên kết, trong đó các công ty liên kết giữ vai trò quan trọng là:

Tên công ty	31/12/2010		31/12/2009	
	% sở hữu	% quyền biểu quyết	% sở hữu	% quyền biểu quyết
Công ty liên kết				
Công ty Cổ phần May Nhà Bè	28,80%	28,80%	28,80%	28,80%
Công ty Cổ phần Đầu tư Vinatex Tân Tạo	24,55%	24,55%	24,55%	24,55%
Công ty Cổ phần May Đức Giang	36,76%	36,76%	36,76%	36,76%
Công ty Cổ phần May Hưng Yên	40,00%	40,00%	40,00%	40,00%

Tập đoàn Dệt-May Việt Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 (tiếp theo)

13. Chi phí trả trước dài hạn

	Chi phí đất trả trước VND	Công cụ và dụng cụ VND	Tổng VND
Số dư đầu năm - điều chỉnh lại	21.783.738.411	14.084.313.837	35.868.052.248
Tăng trong năm	5.060.138.997	5.784.862.468	10.845.001.465
Phân bổ trong năm	(3.036.487.587)	(3.934.630.228)	(6.971.117.815)
Giảm do chia tách Công ty TNHH MTV Thương Mại Thời Trang Dệt May Việt Nam	(14.214.825.462)	(14.896.555.967)	(29.111.381.429)
Chênh lệch đánh giá lại tài sản	19.452.438	-	19.452.438
Số dư cuối năm	9.612.016.797	1.037.990.110	10.650.006.907

14. Vay ngắn hạn

	31/12/2010 VND	31/12/2009 VND
Vay ngắn hạn	-	27.403.018.330
Vay dài hạn đến hạn trả (thuyết minh 18)	265.240.000.000	39.776.000.000
	265.240.000.000	67.179.018.330

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2009, các khoản vay ngắn hạn được cấp cho Công ty TNHH MTV Thương Mại Thời Trang Dệt May Việt Nam - trước đây là một đơn vị hạch toán phụ thuộc của Tập đoàn Dệt-May Việt Nam. Trong năm 2010 Công ty TNHH MTV Thương Mại Thời Trang Dệt May Việt Nam được tách ra thành một công ty con của Tập đoàn Dệt-May Việt Nam, theo đó các khoản vay này đã được chuyển cho Công ty TNHH MTV Thương Mại Thời Trang Dệt May Việt Nam.

15. Thuế phải nộp Nhà nước

	31/12/2010 VND	31/12/2009 VND (điều chỉnh lại)
Thuế giá trị gia tăng	620.427.413	447.177.278
Thuế thu nhập cá nhân	253.771.789	115.451.922
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.002.141.520	9.251.804.537
Thuế nhà thầu nước ngoài	2.738.389.880	2.738.389.880
Các loại thuế khác	6.746.185	9.746.185
	4.621.476.787	12.562.569.802

Tập đoàn Dệt-May Việt Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 (tiếp theo)

16. Chi phí phải trả

	31/12/2010 VND	31/12/2009 VND (điều chỉnh lại)
Phí dịch vụ chuyên môn và phí tư vấn	3.083.227.273	2.531.636.363
Phí hoa hồng	-	112.275.164
Chi phí lãi vay	3.181.733.333	221.641.974
Chi phí phải trả khác	2.035.325.233	2.145.484.709
	<hr/>	
	8.300.285.839	5.011.038.210
	<hr/>	

17. Các khoản phải trả, phải nộp khác

	31/12/2010 VND	31/12/2009 VND (điều chỉnh lại)
Kinh phí công đoàn	193.248.779	302.334.587
Bảo hiểm xã hội	10.168.974	176.864.813
Doanh thu chưa thực hiện	805.253.505	5.683.846.481
Phải trả các công ty con	23.155.069.042	29.780.475.778
Phải trả Bộ Công Thương	25.545.622.223	13.500.000.000
Phải trả cho mua tài sản cố định	9.105.589.394	-
Phải trả cho cổ phần hóa	10.082.763.000	-
Các khoản phải trả, phải nộp khác	1.527.338.699	35.455.516.806
	<hr/>	
	70.425.053.616	84.899.038.465
	<hr/>	

Trong các khoản phải trả khác có các khoản phải trả các bên liên quan như sau:

	31/12/2010 VND	31/12/2009 VND
Phải trả các công ty liên quan	15.308.981.549	5.636.504.368
	<hr/>	

Khoản phải trả các công ty liên quan khác không được bảo đảm, không chịu lãi và phải trả khi có yêu cầu.

Tập đoàn Dệt-May Việt Nam**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 (tiếp theo)****18. Vay dài hạn**

	31/12/2010 VND	31/12/2009 VND
Ngân hàng Phát triển - Chi nhánh Hải Dương (a)	95.798.062.613	123.878.062.613
Ngân hàng Phát triển - Chi nhánh Hải Dương 2 (b)	35.885.000.000	43.445.000.000
Vietcombank - Chi nhánh Cần Thơ (c)	-	2.400.000.000
Vietcombank - Chi nhánh Cần Thơ (c)	-	6.507.000.000
BIDV - Chi nhánh TP Hồ Chí Minh (c)	-	1.452.166.000
Tập đoàn Dầu Khí Quốc Gia Việt Nam (d)	229.600.000.000	-
	<hr/>	<hr/>
	361.283.062.613	177.682.228.613
Hoàn trả trong vòng 12 tháng (thuyết minh 14)	(265.240.000.000)	(39.776.000.000)
	<hr/>	<hr/>
Hoàn trả sau 12 tháng	96.043.062.613	137.906.228.613

- a. Khoản vay này được bảo đảm bằng số tài sản cố định với giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 là 78.960 triệu VND (31/12/2009: 114.797 triệu VND). Khoản vay này chịu lãi suất 4,2% một năm và số dư còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 được hoàn trả trong 48 kỳ hàng tháng, mỗi kỳ trả 2.340 triệu VND và số dư còn lại vào kỳ thanh toán cuối cùng.
- b. Khoản vay này được bảo đảm bằng số tài sản cố định với giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 là 75.284 triệu VND (31/12/2009: 75.512 triệu VND). Khoản vay này chịu lãi suất trong khoảng từ 3% đến 7% một năm và số dư còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 được hoàn trả trong 4 năm theo từng kỳ hàng tháng, mỗi kỳ trả 7.560 triệu VND và trả toàn bộ số dư còn lại vào kì thanh toán cuối cùng.
- c. Các khoản vay này được cấp cho Công ty TNHH MTV Thương Mại Thời Trang Dệt May Việt Nam - trước đây là một đơn vị hạch toán phụ thuộc của Tập đoàn Dệt-May Việt Nam. Trong năm 2010 Công ty TNHH MTV Thương Mại Thời Trang Dệt May Việt Nam được tách ra thành một công ty con của Tập đoàn Dệt-May Việt Nam, theo đó các khoản vay này đã được chuyển cho Công ty TNHH MTV Thương Mại Thời Trang Dệt May Việt Nam.
- d. Khoản vay này không được bảo đảm, chịu lãi suất 2% một năm và hoàn trả vào 31 tháng 3 năm 2011.

Tập đoàn Dệt-May Việt Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 (tiếp theo)

19. Vốn góp

Biến động vốn điều lệ đã góp trong năm như sau:

	2010 VND	2009 VND (điều chỉnh lại)
Số dư đầu năm	3.265.299.628.660	3.330.248.767.218
Bổ sung vốn góp từ các quỹ	115.471.053.164	-
Tăng vốn do nhận khoản đầu tư mới từ các công ty con	21.614.577.880	-
Giảm vốn thông qua việc bán vốn góp của Nhà nước khi các công ty con tiến hành cổ phần hóa	(2.385.259.704)	(89.043.447.157)
Giảm vốn do thanh toán trợ cấp lao động dôi dư ở các công ty con từ Quỹ sắp xếp lại doanh nghiệp	-	(17.001.355.267)
Góp vốn bằng tiền	-	41.058.663.866
Các khoản khác	-	37.000.000
	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối năm	3.400.000.000.000	3.265.299.628.660

20. Các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu

(i) Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ đầu tư phát triển được phân bổ từ lợi nhuận chưa phân phối theo quyết định của Hội đồng Thành viên Công ty. Quỹ này được lập nhằm phục vụ hoạt động mở rộng kinh doanh trong tương lai. Khi quỹ này được sử dụng cho hoạt động mở rộng kinh doanh, số tiền được sử dụng sẽ được chuyển sang vốn góp.

(ii) Quỹ dự phòng tài chính

Theo Thông tư 138/2010-TT-BTC ngày 17 tháng 9 năm 2010, Tập đoàn Dệt-May Việt Nam đã phân bổ 39.471.788.871 VND từ lợi nhuận sau thuế năm 2009 sang quỹ dự phòng tài chính trong mục nguồn vốn.

(iii) Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản

Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản được Bộ Tài chính chuyển cho Công ty nhằm phục vụ cho mục đích đầu tư xây dựng mới, cải tạo, mở rộng cơ sở sản xuất, kinh doanh và mua sắm TSCĐ để đổi mới công nghệ của các trường dạy nghề thuộc Tập đoàn Dệt-May Việt Nam.

Tập đoàn Dệt-May Việt Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 (tiếp theo)

21. Tổng doanh thu

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán và dịch vụ đã cung cấp không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Doanh thu thuần bao gồm

	2010 VND	2009 VND (điều chỉnh lại)
Tổng doanh thu		
▪ Bán hàng	429.429.331.365	971.958.639.596
▪ Cung cấp dịch vụ	22.218.517.460	16.130.720.618
▪ Doanh thu cho thuê văn phòng	32.240.319.235	20.793.120.981
▪ Hợp đồng xây dựng	6.627.267.876	13.890.707.010
	<hr/> 490.515.435.936	<hr/> 1.022.773.188.205
Trừ đi các khoản giảm trừ doanh thu		
▪ Chiết khấu thương mại	(1.359.872.238)	(2.111.228.957)
▪ Hàng bán bị trả lại	(7.075.739)	(84.496.333)
	<hr/> (1.366.947.977)	<hr/> (2.195.725.290)
Doanh thu thuần	<hr/> 489.148.487.959	<hr/> 1.020.577.462.915

22. Giá vốn hàng bán

	2010 VND	2009 VND (điều chỉnh lại)
Hàng hoá đã bán	372.281.901.056	776.682.365.276
Dịch vụ đã cung ứng	237.990.947	19.308.263.681
Hợp đồng xây dựng	6.833.891.284	12.392.189.666
	<hr/> 379.353.783.287	<hr/> 808.382.818.623

Tập đoàn Dệt-May Việt Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 (tiếp theo)

23. Doanh thu hoạt động tài chính

	2010 VND	2009 VND (điều chỉnh lại)
Lãi tiền gửi và cho vay	60.331.361.780	47.979.789.632
Cổ tức	234.252.889.303	173.185.126.623
Lãi từ hoạt động bán cổ phiếu	31.295.505.952	26.082.929.967
Doanh thu hoạt động tài chính khác	4.529.030.087	954.046
	<hr/>	<hr/>
	330.408.787.122	247.248.800.268

24. Chi phí tài chính

	2010 VND	2009 VND (điều chỉnh lại)
Chi phí lãi vay	10.436.281.661	11.143.365.311
Dự phòng giảm giá đầu tư	-	9.846.689.145
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	-	54.423.499
Các chi phí tài chính khác	484.886.549	32.892.155
	<hr/>	<hr/>
	10.921.168.210	21.077.370.110

25. Thuế thu nhập doanh nghiệp

(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

	2010 VND	2009 VND (điều chỉnh lại)
Chi phí thuế hiện hành		
Năm hiện hành	122.576.813	6.679.355.349

Tập đoàn Dệt-May Việt Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 (tiếp theo)

(b) Đối chiếu thuế suất thực tế

	2010 VND	2009 VND (điều chỉnh lại)
Lợi nhuận trước thuế	201.475.199.818	200.243.596.775
Thuế tính theo thuế suất của Tập đoàn Dệt-May Việt Nam	50.368.799.955	50.060.899.194
Thu nhập không bị tính thuế	(50.246.223.142)	(43.381.543.845)
	<u>122.576.813</u>	<u>6.679.355.349</u>

(c) Thuế suất áp dụng

Tập đoàn Dệt-May Việt Nam có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập bằng 25% trên lợi nhuận tính thuế.

26. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Ngoài các số dư với các bên liên quan đã trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính hợp nhất này, Tập đoàn Dệt-May Việt Nam có các giao dịch sau với các bên liên quan:

	Giá trị giao dịch	
	2010 VND	2009 VND
Công ty TNHH Dệt 8/3		
Khoản cho vay và hoàn trả	-	3.000.000.000
Thu nhập tiền lãi	1.430.520.000	1.434.450.000
Công ty TNHH Dệt Kim Đông Phương		
Khoản cho vay và hoàn trả	30.000.000.000	5.700.000.000
Phải thu khác	-	13.158.473.689
Trường Cao đẳng Công nghiệp Dệt May Thời trang Hà Nội		
Khoản cho vay và hoàn trả	5.000.000.000	21.000.000.000
Trường Cao đẳng nghề Vinatex		
Khoản cho vay và hoàn trả	7.847.000.000	7.500.000.000
Công ty Cổ phần Nhuộm và Hoàn tất vải Vinatex		
Văn phòng cho thuê và tài sản đã cấp	7.757.817.000	18.873.673.733
Khoản cho vay và hoàn trả	14.309.973.441	17.908.919.987
Thu nhập tiền lãi	5.250.058.771	4.432.311.159

Tập đoàn Dệt-May Việt Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 (tiếp theo)

	Giá trị giao dịch	
	2010 VNĐ	2009 VNĐ
Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ		
Khoản cho vay và hoàn trả	(10.000.000.000)	6.405.702.138
Cổ tức	10.841.841.400	3.801.103.000
Tổng Công ty Cổ phần Phong Phú		
Khoản cho vay và hoàn trả	(30.000.000.000)	75.000.000.000
Thu nhập tiền lãi	8.462.222.223	11.621.432.376
Cổ tức	52.000.000.000	46.800.000.000
Tổng Công ty Cổ phần Dệt may Hà Nội		
Khoản cho vay và hoàn trả	-	483.735.377
Cổ tức	14.163.120.000	7.081.560.000
Tổng Công ty Cổ phần May Việt Tiến		
Khoản cho vay và hoàn trả	(20.000.000.000)	(20.000.000.000)
Cổ tức	9.749.760.000	12.187.200.000
Tổng Công ty Việt Thắng - CTCP		
Cổ tức	18.250.000.000	10.220.000.000
Công ty Cổ phần Vinatex Đà Nẵng		
Khoản cho vay và hoàn trả	-	10.900.000.000
Tổng Công ty Cổ phần May 10		
Phí gia công	42.285.351.215	13.151.387.662
Cổ tức	8.286.096.000	3.847.116.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Vinatex Tân Tạo		
Hợp đồng xây dựng	-	6.424.196.214
Ngân hàng TMCP Nam Việt		
Cổ tức	17.592.456.000	12.033.790.555
Công ty Cổ phần Sợi Phú Bài		
Cổ tức	8.092.200.000	550.000.000
Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định		
Cổ tức	7.299.700.000	4.379.820.000
Công ty Cổ phần Bất Động Sản Dệt May		
Cổ tức	13.950.000.000	6.750.000.000
Tổng Công Ty Cổ phần May Nhà Bè		
Cổ tức	6.048.000.000	9.108.329.674

Tập đoàn Dệt-May Việt Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 (tiếp theo)

27. Cam kết mua tài sản cố định

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010, Tập đoàn Dệt-May Việt Nam có các cam kết mua tài sản cố định sau đã được duyệt nhưng chưa được phản ánh trong bảng cân đối kế toán:

	31/12/2010 VNĐ	31/12/2009 VNĐ
Đã được duyệt nhưng chưa ký kết hợp đồng	156.448.989.583	156.448.989.583
Đã được duyệt và đã ký kết hợp đồng	43.402.602.982	77.511.142.501
	199.851.592.565	233.960.132.084

28. Các khoản nợ tiềm ẩn

	31/12/2010 VNĐ	31/12/2009 VNĐ
Thư bảo lãnh	681.334.500.000	681.334.500.000

29. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố

	2010 VNĐ	2009 VNĐ (điều chỉnh lại)
Chi phí nguyên vật liệu trong chi phí sản xuất	329.985.449.229	793.328.287.580
Chi phí nhân công	42.045.125.575	104.802.322.588
Chi phí khấu hao và phân bổ	40.990.607.769	49.918.512.603
Chi phí dịch vụ mua ngoài	67.441.255.236	99.367.586.931
Chi phí khác	4.753.388.214	144.307.184.078



Nguyễn Ngọc Cách
Người lập biểu



Phạm Văn Tân
Trưởng Ban Tài chính




Trần Quang Nghị
Tổng Giám đốc

30 -06- 2011